

Bản án số 33/2018/DS-PT

Ngày: 06 - 3 - 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Bé

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Yên - Kiểm sát viên .

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2018/QĐ-PT ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1976, bà Đặng Thị T, sinh năm 1978.

Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T1, sinh năm 1964, bà Lê Thị M, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M, chức vụ: Chủ tịch

- Ông Lê Xuân C,

- Bà Lê Thị Hồng Đ,

- Ông Lê Văn T2,

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Lê Thị Ngọc G,

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T - là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08/3/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Lê Văn D và bà Đặng Thị T trình bày:

Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn. Đây là đất trồng lúa được Nhà nước giao cho hộ gia đình nguyên đơn sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.11507, ngày 04/8/2006. Tháng 4 năm 2013, bị đơn (Lê Văn T1 và Lê Thị M) đã lợi dụng lúc vợ chồng nguyên đơn đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, không có mặt tại địa phương để chiếm dụng toàn bộ phần diện tích đất nói trên; đồng thời tiến hành xây dựng nhà trên một phần diện tích đất đã chiếm đoạt của nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ toàn bộ nhà, vật kiến trúc mà bị đơn đã xây dựng để trả lại cho nguyên đơn diện tích 707m² đất thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 20/9/2015, nguyên đơn Lê Văn D và Nguyễn Thị T có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 623770, ngày 15/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M do có sai sót là đã cấp chồng (bao trùm) cả phần diện tích 707m² thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M ở Đức, tỉnh Quảng Ngãi mà Ủy ban nhân dân huyện đã cấp cho nguyên đơn.

Tại các bản tường trình vào các ngày 15/4/2014, 12/8/2015; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M trình bày:

Phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Lê Phát (cha của nguyên đơn Lê Văn D và bị đơn Lê Văn T1). Năm 1982, bị đơn được cha giao cho quản lý sử dụng. Thời điểm đó, thửa đất gồm có 02 đám gọi là đám vuông và đám rộc. Năm 1990, em trai của bị đơn là Lê Văn T2 lập gia đình riêng thì gia đình có thống nhất là cắt một phần đất (đám vuông) cho Lê Văn T2 lập vườn ở riêng, còn lại (đám rộc) thì bị đơn quản lý, sử dụng. Năm 1996, bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nói trên với

diện tích được công nhận là 1.680m² tại thửa đất số 677, tờ bản đồ số 2 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Bị đơn còn khai nhận trong quá trình sử dụng đất thì bị đơn có để cho cha là ông Lê Phát sử dụng một phần diện tích thuộc phía tây của thửa đất để canh tác lúc tuổi già; năm 2002, ông Lê Phát chết thì bị đơn lấy lại đất và sử dụng ổn định cho đến nay. Vì vậy, toàn bộ phần diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 30/11/2015, bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức căn cứ vào Điều 32a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.11507, ngày 04/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho nguyên đơn tại thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi với lý do: Toàn bộ phần diện tích 707m² đất đã cấp cho nguyên đơn tại thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44 là chung một thửa và nằm trong thửa đất mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho bị đơn vào ngày 31/12/1996; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là trái pháp luật vì không có quyết định giao đất, không trên cơ sở tặng, cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất do bị đơn đang quản lý nhưng không có ý kiến của bị đơn.

- Về yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 623770, ngày 15/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M của nguyên đơn thì bị đơn cho rằng năm 1996, bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.680m² đất thuộc thửa đất số 677, tờ bản đồ số 2 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2006 thì bị đơn được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới với diện tích đất được sử dụng giảm hơn 100m² đất so với diện tích được công nhận vào năm 1996 nên bị đơn không đồng ý và đã làm đơn xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới vào năm 2012 là đúng nên không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Tại Công văn số 1277/UBND-NC ngày 28/10/2015 và Công văn số 414/UBND-NC, ngày 10/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện M và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện M cho rằng:

- Đối với yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 623770, ngày 15/10/2012 mà Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức đã cấp cho bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M của nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T: Ông Lê Văn T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1996 với diện tích 1.680m² tại thửa đất số 677, tờ bản đồ số 2 xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị M tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 44 (bản đồ đo vẽ năm 2004) xã Đ, huyện M với diện tích 1.544m². Ngày

22/8/2012, vợ chồng ông Lê Văn T1 lập hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Quá trình thẩm tra hồ sơ và thẩm tra hiện trạng sử dụng đất đối với hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của vợ chồng ông Lê Văn T1 có sai sót nên đã dẫn đến việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 623770, số vào sổ CH. 00581, cấp ngày 15/10/2012 cho ông Lê Văn T1, bà Lê Thị M ở xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi với diện tích 2.232m² là không đúng diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 2006 (1.544m²); cấp bao trùm thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44 (bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 707m², loại đất lúa mà Ủy ban nhân dân huyện đã cấp cho hộ ông Lê Văn D vào ngày 04/8/2006.

- Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.11507, ngày 04/8/2006 đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi mà Ủy ban nhân dân huyện Mộ Đức đã cấp cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T của bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M: Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m², xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi trước đây thuộc một phần thửa đất số 677, tờ bản đồ số 2 (bản đồ theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ), diện tích 1.400m² được Hợp tác xã nông nghiệp Thạch Trụ giao cho hộ ông Lê Phát canh tác, sản xuất nông nghiệp (trồng lúa), với diện tích 01 sào 05 thước (tương đương 667m²). Năm 2003, ông Lê Phát chết, con trai ông Phát là ông Lê Văn D (tại thời điểm giao ruộng ông D chung hộ khẩu với vợ chồng ông Phát) đứng tên chủ hộ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.11507, ngày 04/8/2006 đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m², xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi với mục đích sử dụng đất trồng lúa là đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hồng Đ và bà Lê Thị Ngọc G trình bày:

Phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Lê Phát, sinh thời ông Phát đã giao cho bị đơn Lê Văn T1 quản lý sử dụng nhưng sau đó thì có lấy lại phần đất mà hiện nay đang tranh chấp để canh tác lúc tuổi già nên sau khi ông Phát chết thì Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất phần diện tích này cho ông Lê Văn D nhưng theo bà Đ và bà G thì đất này trước đó cha đã cho ông Lê Văn T1 và ngoài ra cũng không có căn cứ nào thể hiện cha cho ông D. Bà Lê Thị Hồng Đ và bà Lê Thị Ngọc G đề nghị nguyên đơn và bị đơn nên có sự nhường nhịn nhau để giữ tình cảm gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T2 và ông Lê Xuân C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông T2 và ông C không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, đồng thời cũng không ý kiến, yêu cầu gì về việc giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 623770, số vào sổ CH.00581, ngày 15/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M.

- Buộc bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M phải trả cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T phần diện tích 620,2m² đất thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Phần diện tích này có hình đa giác được tạo nên bởi các điểm: M₆M₇M₈M₉M₁₀M₁₁M₁₂M₁₃.

- Bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M không phải tháo dỡ nhà đã xây dựng và được quyền sử dụng phần diện tích đất 86,8m² đất thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi có hình đa giác được tạo nên bởi các điểm: M₁₀ M₁₁M₁₂ M₁₃.

- Bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T số tiền 2.604.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng*) là giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 86,8m² thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi mà bị đơn đã làm nhà.

- Các đương sự phải có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với kết quả xét xử và theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.11507, ngày 04/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T tại thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m², xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ngày 12/10/2017, nguyên đơn ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Lê Văn T1, bà Lê Thị M tháo dỡ toàn bộ nhà cửa và vật kiến trúc trên thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, diện tích 707m² để trả lại toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông D, bà T quản lý, sử dụng.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn Lê Văn T1 đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Lê Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Bị đơn đã xây dựng nhà kiên cố trên đất của nguyên đơn, giá trị nhà xây dựng trên đất lớn hơn giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp, nếu buộc tháo dỡ sẽ gây lãng phí và thiệt hại lớn; đồng thời, hiện nay bị đơn không có chỗ ở nào khác nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao nhà cho bị đơn và buộc bị đơn hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Lê Thị M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân C, bà Lê Thị Hồng Đ, ông Lê Văn T2 và bà Lê Thị Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 13/10/2017 bị đơn bà Lê Thị M có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ngày 01/11/2017 Tòa án cấp sơ thẩm giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 30/TB-TA ngày 30/10/2017 cho bà M. Hết thời hạn thông báo, bà M không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ngày 20/11/2017 Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản làm việc với bà M để xác định lý do không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thì bà M trình bày bà từ bỏ việc kháng cáo, đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn D và bà Đặng Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông D và bà T chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn ông Lê Văn T1 và bà Lê Thị M tháo dỡ nhà đã xây dựng trên diện tích đất 86,8m² thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44 xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (*Sau đây được viết tắt là thửa 436*) để trả đất cho nguyên đơn, không đồng ý nguyên đơn hoàn trả giá trị 86,8m² đất bằng tiền là 2.604.000 đồng, xét kháng cáo của nguyên đơn thì thấy rằng:

Năm 2006 bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 124, tờ bản đồ số 44 xã Đ (Bản đồ đo vẽ năm 2004), diện tích 1.544m² (*Sau đây gọi tắt là thửa 124*). Năm 2012, bị đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do sai sót trong quá trình cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn nên Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp bao trùm cả thửa 436 vào thửa 124 thành thửa đất số 667, tờ bản đồ số 2 xã Đ, diện tích 2,232m² (*Sau đây được viết tắt là thửa 667*). Năm 2013, bị đơn tiến hành xây dựng nhà trên thửa 667 là không trái quy định của pháp luật về xây dựng. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định nhà bị đơn xây dựng năm 2013 có một phần trên thửa 124 và một phần trên thửa 436 (Theo bản đồ đo vẽ năm 2004), giá trị phần nhà của bị đơn xây dựng trên thửa 436 là 187.305.705 đồng, còn 86,8m² đất tranh chấp có giá trị 2.604.000 đồng; thời điểm bị đơn xây dựng nhà nguyên đơn không phát hiện nên không có biện pháp ngăn chặn, vì vậy so giá trị nhà của bị đơn đã xây dựng trên thửa đất số 436 với giá trị diện tích 86,8m² đất có nhà thì chênh lệch quá lớn. Để hạn chế thiệt hại xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tháo dỡ nhà, công trình xây dựng trên thửa đất số 436 và giao phần đất 86,8m² thuộc thửa

đất số 436 (theo bản đồ đo vẽ năm 2004) cho bị đơn, buộc bị đơn thanh toán giá trị đất cho nguyên đơn là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo.

[3] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[4] Đối với việc hủy Quyết định cá biệt trái pháp luật trong vụ án dân sự, các đương sự không phải chịu án phí sơ thẩm; Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu án phí sơ thẩm là không phù hợp, cần sửa lại phần án phí của bản án sơ thẩm.

[5] Nguyên đơn ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn D, bà Đặng Thị T.

Sửa phần án phí sơ thẩm và giữ nguyên các phần còn lại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 623770, sổ vào sổ CH.00581, ngày 15/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M.

- Buộc bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M phải trả cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T phần diện tích 620,2m² đất thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (bản đồ đo vẽ năm 2004). Phần diện tích đất này có hình đa giác được tạo nên bởi các điểm: M₆M₇M₈M₉M₁₀M₁₁M₁₂M₁₃. (Theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M không phải tháo dỡ nhà đã xây dựng và được quyền sử dụng phần diện tích đất 86,8m² đất thuộc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (bản đồ đo vẽ năm 2004) có hình đa giác được tạo nên bởi các điểm: M₁₀ M₁₁M₁₂ M₁₃. (Theo sơ đồ kèm theo bản án).

- Bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T số tiền 2.604.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng*) tiền giá trị quyền sử dụng diện tích đất 86,8m² đã xây dựng nhà thuộc thửa

đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (bản đồ đo vẽ năm 2004).

(Sơ đồ thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là một bộ phận không tách rời bản án)

- Các đương sự phải có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án và theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.11507, ngày 04/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T tại thửa đất số 436, tờ bản đồ số 44, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 707m².

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Lê Văn D và Đặng Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông D, bà T số tiền 566.000đồng (Năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu tiền số AA/2010/07399 ngày 20/3/2014, số AA/2014/0001733 ngày 24/9/2015 và số AA/2016/0000898 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

- Bị đơn Lê Văn T1 và Lê Thị M phải chịu 1.260.500đồng (*Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mỹ Giang